



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh ,Tp.HCM.

Tel: 848 - 37560110 – 37561191 Fax: 848 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN

PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|--------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 | 01 - 02 |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2016 | 03 |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đến cuối Quý 3 năm 2016 | 04 |
| 4. Thuyết minh báo cáo tài chính 9 tháng năm 2016 | 05 – 29 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

DVT: VNĐ

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối Quý 3/2016 | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.831.113.234.140 | 1.955.096.885.688 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 377.375.046.192 | 313.058.830.965 |
| 111 | 1. Tiền | | 232.375.046.192 | 313.058.830.965 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 145.000.000.000 | - |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | - | - |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 523.197.903.968 | 301.930.558.954 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.2 | 405.813.851.522 | 225.311.358.800 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.3 | 72.157.210.325 | 25.511.540.527 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | V.4 | 47.835.466.485 | 53.478.435.533 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | V.5 | (2.608.624.364) | (2.370.775.906) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | V.6 | 891.153.573.779 | 1.226.690.169.146 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 891.153.573.779 | 1.226.690.169.146 |
| 142 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | - | - |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 39.386.710.201 | 113.417.326.623 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | - | - |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 39.287.747.316 | 113.133.658.425 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.13 | 98.962.885 | 283.668.198 |
| 155 | 4. Tài sản ngắn hạn khác | | - | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 506.346.229.463 | 496.082.163.175 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 4.032.315.546 | 4.032.315.546 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | | 4.032.315.546 | 4.032.315.546 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 315.819.095.294 | 328.392.602.992 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.7 | 88.370.499.206 | 98.114.709.721 |
| 222 | - Nguyên giá | | 217.671.061.157 | 209.317.949.544 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (129.300.561.951) | (111.203.239.823) |
| 224 | 2. Tài sản cố định thuê tài chính | V.8 | 26.151.772.241 | 28.982.406.761 |
| 225 | - Nguyên giá | | 37.817.079.422 | 37.817.079.422 |
| 226 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (11.665.307.181) | (8.834.672.661) |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | V.9 | 201.296.823.847 | 201.295.486.510 |
| 228 | - Nguyên giá | | 201.834.934.308 | 201.804.934.308 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (538.110.461) | (509.447.798) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 62.460.801.823 | 39.607.264.078 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | V.10 | 62.460.801.823 | 39.607.264.078 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | V.11 | 124.034.016.800 | 124.034.016.800 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 115.937.211.500 | 115.937.211.500 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 11.661.918.871 | 11.661.918.871 |
| 254 | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (3.565.113.571) | (3.565.113.571) |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | - | 15.963.759 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | - | 15.963.759 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 2.337.459.463.603 | 2.451.179.048.863 |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

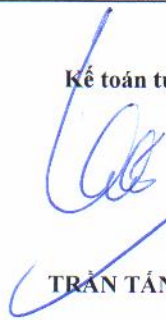
| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối Quý 3/2016 | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 1.523.033.151.822 | 1.638.818.913.062 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 1.510.479.373.511 | 1.626.265.134.751 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.12 | 99.316.157.915 | 128.966.500.657 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 6.601.049.598 | 290.928.548 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.13 | 124.649.163.447 | 123.026.056.785 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | V.14 | 12.471.742.677 | 15.016.107.826 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.15 | 89.905.223.146 | 54.537.978.733 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | V.16 | 34.601.703.732 | 10.501.629.649 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.17a | 1.141.129.213.556 | 1.293.614.095.100 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | V.18 | 1.805.119.440 | 311.837.453 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 12.553.778.311 | 12.553.778.311 |
| 338 | 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.17b | 12.553.778.311 | 12.553.778.311 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 814.426.311.781 | 812.360.135.801 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.19 | 814.426.311.781 | 812.360.135.801 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 571.679.930.000 | 476.400.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 571.679.930.000 | 476.400.000.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | - | 6.746.801.918 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 51.552.084.653 | 82.306.561.790 |
| 420 | 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 10.145.220.457 | 27.342.989.573 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 181.049.076.671 | 219.563.782.520 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 16.272.459.776 | 17.659.373.371 |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 164.776.616.895 | 201.904.409.149 |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - |
| 431 | 1. Nguồn kinh phí | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 2.337.459.463.603 | 2.451.179.048.863 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2016

ĐVT: VND

| Mã Số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý 3 | | Lũy kế từ đầu năm | |
|-------|---|-------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 965.814.340.551 | 1.204.655.264.956 | 2.767.029.454.956 | 3.542.481.626.206 |
| 03 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | VI.2 | 6.892.603.000 | 7.633.905.500 | 20.000.277.000 | 23.049.878.780 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 958.921.737.551 | 1.197.021.359.456 | 2.747.029.177.956 | 3.519.431.747.426 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.3 | 792.493.799.273 | 1.062.526.021.446 | 2.334.801.967.775 | 3.121.138.407.108 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 166.427.938.278 | 134.495.338.010 | 412.227.210.181 | 398.293.340.318 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.4 | 23.227.123.431 | 868.030.278 | 34.642.939.394 | 23.726.034.456 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.5 | 13.141.483.655 | 21.813.468.379 | 41.439.922.932 | 62.079.295.194 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 12.783.415.609 | 21.357.837.801 | 39.695.186.624 | 56.381.563.208 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | VI.6 | 75.704.643.320 | 42.495.378.836 | 163.383.560.470 | 137.828.033.209 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.7 | 18.169.549.188 | 14.297.939.814 | 44.799.892.981 | 39.358.329.953 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 82.639.385.546 | 56.756.581.259 | 197.246.773.192 | 182.753.716.418 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | VI.8 | 540.820.461 | 5.272.554.292 | 2.519.931.075 | 10.896.684.500 |
| 32 | 12. Chi phí khác | VI.9 | 17.289.139 | 408.691.452 | 1.470.198.828 | 1.187.683.069 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 523.531.322 | 4.863.862.840 | 1.049.732.247 | 9.709.001.431 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 83.162.916.868 | 61.620.444.099 | 198.296.505.439 | 192.462.717.849 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | 12.431.170.830 | 13.556.497.702 | 33.519.888.544 | 37.541.021.025 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 70.731.746.038 | 48.063.946.397 | 164.776.616.895 | 154.921.696.824 |

Người lập biểu

TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng

TRẦN TẤN SON

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2016

ĐVT: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | 30/09/2016 | 30/09/2015 |
|-------|--|-------------|---------------------|---------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 198.296.505.439 | 192.462.717.849 |
| | 2. Điều chỉnh các khoản | | 30.192.591.673 | 57.637.674.730 |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | | 20.956.619.311 | 19.221.295.990 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 237.848.458 | 2.797.744.665 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ | | - | - |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (30.697.062.720) | (20.762.929.133) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 39.695.186.624 | 56.381.563.208 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | - | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 228.489.097.112 | 250.100.392.579 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (147.474.577.050) | (230.589.113.089) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 335.536.595.367 | (135.711.468.880) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | | 29.498.252.805 | (47.662.091.268) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 15.963.759 | 15.963.760 |
| 13 | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (39.695.186.624) | (54.067.890.217) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (31.433.336.032) | (40.529.972.817) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 17 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | (18.297.158.928) | (14.135.920.720) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 356.639.650.409 | (272.580.100.652) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (31.395.129.208) | (27.905.208.666) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 158.479.850 | 444.452.167 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | - |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | - |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 30.697.062.720 | 21.087.043.200 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (539.586.638) | (6.373.713.299) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | - |
| 32 | 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | - | - |
| 33 | 3. Tiền thu từ đi vay | | 1.813.558.029.355 | 2.532.813.811.743 |
| 34 | 4. Tiền trả nợ gốc vay | | (1.961.149.507.901) | (2.323.483.490.410) |
| 35 | 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | (4.893.402.998) | (6.919.375.378) |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (139.298.967.000) | (132.798.681.540) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (291.783.848.544) | 69.612.264.415 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | | 64.316.215.227 | (209.341.549.536) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 313.058.830.965 | 310.247.139.076 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | V.1 | 377.375.046.192 | 100.905.589.540 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám Đốc





TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty*Các Công ty con*

| Stt | Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|-----|---|---|---------------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| 1. | - Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An | Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam | Thể thao, quảng cáo | 100% | 100% | 100% |
| 2. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng | Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |
| 3. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong | Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |
| 4. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị | Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |
| 5. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình | Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị

Địa chỉ

| | |
|------------------------------------|--|
| Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An | Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. |
|------------------------------------|--|

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 558 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 584 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 09 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

15/11/2016
T
A
B
C
J
P

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 -30 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 08 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 07 |

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản thuê</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 07 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán của công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.265 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.265 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.335 VNĐ/USD.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 2.087.573.387 | 1.733.883.189 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 230.287.472.805 | 311.324.947.776 |
| Các khoản tương đương tiền | 145.000.000.000 | - |
| Cộng | <u>377.375.046.192</u> | <u>313.058.830.965</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 67.100.895.380 | 61.965.735.225 |
| Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong | 43.195.817.380 | 44.920.995.465 |
| Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị | - | 59.991.760 |
| Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình | 23.905.078.000 | 16.984.748.000 |
| Phải thu các khách hàng khác | 338.712.956.142 | 163.345.623.575 |
| Công ty TNHH Yetak – Cambodia | 133.143.461.948 | 71.131.496.858 |
| Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ | 40.077.106.100 | 11.395.377.700 |
| Công ty TNHH TM Thịnh Thành Đắc Lắc | 23.745.844.778 | 9.961.230.000 |
| Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan | 42.387.680.800 | 19.124.117.000 |
| Các khách hàng khác | 99.358.862.516 | 51.733.402.017 |
| Cộng | 405.813.851.522 | 225.311.358.800 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | - | - |
| Trả trước cho người bán khác | 72.157.210.325 | 25.511.540.527 |
| Young Inh Trade Corporation | 53.533.735.539 | - |
| Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau | 232.000.000 | 7.050.720.000 |
| Công ty TNHH DV – Du Lịch Hoàn Mỹ | 2.686.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 15.705.474.786 | 18.460.820.527 |
| Cộng | 72.157.210.325 | 25.511.540.527 |

4. Phải thu khác ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 33.263.802.245 | - | 41.077.210.362 | - |
| - Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong | 12.930.234.000 | - | 15.235.430.338 | - |
| - Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị | 3.030.993.462 | - | 5.927.755.533 | - |
| - Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng | 8.565.072.238 | - | 16.056.521.946 | - |
| Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình | 5.000.000.000 | - | 120.000.000 | - |
| - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 3.737.502.545 | - | 3.737.502.545 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 14.571.664.240 | - | 12.401.225.171 | - |
| - Tạm ứng của nhân viên công ty | 8.558.540.474 | - | 6.539.230.785 | - |
| - Các khoản phải thu khác | 6.013.123.766 | - | 5.861.994.386 | - |
| Cộng | 47.835.466.485 | - | 53.478.435.533 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIÊN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Nợ phải thu vay ngắn hạn | Nợ phải thu dài hạn | Cộng |
|----------------------------|---------------------------------|----------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | (2.370.775.906) | - | (2.370.775.906) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (262.110.958) | - | (262.110.958) |
| Hoàn nhập dự phòng | 24.262.500 | - | 24.262.500 |
| Số cuối kỳ | (2.608.624.364) | - | (2.608.624.364) |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | Cộng |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|-------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | |
| Nguyên liệu, vật liệu | 801.251.369.444 | - | 1.062.927.166.984 | - | - |
| Công cụ, dụng cụ | 25.807.200 | - | - | - | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 11.097.854.699 | - | 20.908.062.336 | - | - |
| Thành phẩm | 75.457.281.032 | - | 139.533.678.422 | - | - |
| Hàng hóa | 3.321.261.404 | - | 3.321.261.404 | - | - |
| Cộng | 891.153.573.779 | - | 1.226.690.169.146 | - | - |

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|-------------------------------|----------------------------|--|----------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 108.072.512.027 | 74.117.290.813 | 24.825.187.160 | 2.302.959.544 | 209.317.949.544 |
| Tăng trong kỳ | 531.017.382 | 6.544.672.381 | 1.361.786.700 | 74.115.000 | 8.511.591.463 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (158.479.850) | - | - | (158.479.850) |
| Số cuối kỳ | 108.603.529.409 | 80.503.483.344 | 26.186.973.860 | 2.377.074.544 | 217.671.061.157 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | <i>565.091.818</i> | <i>2.605.618.836</i> | <i>2.808.057.466</i> | <i>635.631.818</i> | <i>6.614.399.938</i> |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 48.731.173.387 | 45.415.605.623 | 15.820.196.769 | 1.236.264.044 | 111.203.239.823 |
| Khấu hao trong kỳ | 7.336.004.210 | 7.831.007.025 | 2.654.235.713 | 276.075.180 | 18.097.322.128 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| Số cuối kỳ | 56.067.177.597 | 53.246.612.648 | 18.474.432.482 | 1.512.339.224 | 129.300.561.951 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 59.341.338.640 | 28.701.685.190 | 9.004.990.391 | 1.066.695.500 | 98.114.709.721 |
| Số cuối kỳ | 52.536.351.812 | 27.256.870.696 | 7.712.541.378 | 864.735.320 | 88.370.499.206 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

| | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|--|-------------------------|--|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 36.800.653.967 | 1.016.425.455 | 37.817.079.422 |
| Thuê trong kỳ | - | - | - |
| Số cuối kỳ | 36.800.653.967 | 1.016.425.455 | 37.817.079.422 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 8.664.804.294 | 169.868.367 | 8.834.672.661 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.723.186.277 | 107.448.243 | 2.830.634.520 |
| Số cuối kỳ | 11.387.990.571 | 277.316.610 | 11.665.307.181 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 28.135.849.673 | 846.557.088 | 28.982.406.761 |
| Số cuối kỳ | 25.412.663.396 | 739.108.845 | 26.151.772.241 |

9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất lâu dài | Phần mềm kế toán | Cộng |
|--|----------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 201.311.157.308 | 493.777.000 | 201.804.934.308 |
| Mua trong kỳ | - | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Số cuối kỳ | 201.311.157.308 | 523.777.000 | 201.834.934.308 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | 65.000.000 | 65.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 222.000.000 | 287.447.798 | 509.447.798 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 28.662.663 | 28.662.663 |
| Số cuối kỳ | 222.000.000 | 316.110.461 | 538.110.461 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 201.089.157.308 | 206.329.202 | 201.295.486.510 |
| Số cuối kỳ | 201.089.157.308 | 207.666.539 | 201.296.823.847 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển | | Số cuối năm |
|---|-----------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| | | | vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | |
| Mua sắm tài sản cố định | 3.323.515.071 | - | - | - | 3.323.515.071 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 36.283.749.007 | 21.233.672.574 | - | 6.000.000 | 57.511.421.581 |
| - Công trình Kè bảo vệ bờ và 2 bến sà lan 500DWT | 8.439.332.394 | - | - | - | 8.439.332.394 |
| - Công trình Kho nguyên liệu - cho dây chuyền SX NPK trên nền tảng Ure hóa lỏng | 7.771.909.366 | 104.906.176 | - | - | 7.876.815.542 |
| - Công trình Bến tàu 3.000 DWT Bình Điền Long An | 6.538.918.427 | 20.577.200.314 | - | - | 27.116.118.741 |
| - Công trình Đầu tư Cải tạo dây chuyền tạo hạt thùng quay | 4.888.598.785 | 19.451.482 | - | - | 4.908.050.267 |
| - Công trình mở rộng nhà máy SX NPK tại Long An | 3.649.400.909 | 51.442.342 | - | - | 3.700.843.251 |
| - Công trình Khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao | 2.402.439.931 | 39.381.000 | - | 6.000.000 | 2.435.820.931 |
| - Các công trình khác | 2.593.149.195 | 441.291.260 | - | - | 3.034.440.455 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 1.625.865.171 | - | - | 1.625.865.171 |
| Cộng | 39.607.264.078 | 22.859.537.745 | - | 6.000.000 | 62.460.801.823 |

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 115.937.211.500 | 115.937.211.500 | - | 115.937.211.500 | 115.937.211.500 | - |
| - Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An ⁽¹⁾ | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | - | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng ⁽²⁾ | 27.138.986.173 | 27.138.986.173 | - | 27.138.986.173 | 27.138.986.173 | - |
| - Công ty Cổ phần Bình Điền Mckong ⁽³⁾ | 16.147.753.280 | 16.147.753.280 | - | 16.147.753.280 | 16.147.753.280 | - |
| - Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị ⁽⁴⁾ | 16.650.472.047 | 16.650.472.047 | - | 16.650.472.047 | 16.650.472.047 | - |
| - Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình ⁽⁵⁾ | 51.000.000.000 | 51.000.000.000 | - | 51.000.000.000 | 51.000.000.000 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 11.661.918.871 | 8.096.805.300 | (3.565.113.571) | 11.661.918.871 | 8.096.805.300 | (3.565.113.571) |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà ⁽⁶⁾ | 11.661.918.871 | 8.096.805.300 | (3.565.113.571) | 11.661.918.871 | 8.096.805.300 | (3.565.113.571) |
| Cộng | 127.599.130.371 | 124.034.016.800 | (3.565.113.571) | 127.599.130.371 | 124.034.016.800 | (3.565.113.571) |

- (1) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, với tỷ lệ góp vốn 100,00% vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101383456 lần đầu ngày 17/06/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp với vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng.
- (2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng, có trụ sở chính đặt tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800606078 cấp lần đầu ngày 02/01/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13/05/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp với số vốn điều lệ 49.183.200.000 đồng. Tại ngày 30/06/2016 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con.
- (3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong có trụ sở chính đặt tại Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000350 cấp lần đầu ngày 03/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2016 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con.
- (4) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị, có trụ sở chính đặt tại Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, với tỷ lệ góp là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3003000160 cấp lần đầu ngày 31/10/2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2016 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con.
- (5) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, với tỷ lệ góp vốn 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2700664419 lần đầu ngày 11/01/2013, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 21/10/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình với vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2015 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty.
- (6) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

| | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Số đầu năm | (3.565.113.571) | (3.353.169.995) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | (311.323.440) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | (3.565.113.571) | (3.664.493.435) |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

| | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An | | |
| <i>Công ty con cung cấp dịch vụ quảng cáo và quảng bá thương hiệu cho Công ty mẹ</i> | 13.950.000.000 | 11.000.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng | | |
| <i>Công ty Mẹ thu phí thương hiệu</i> | 7.786.429.307 | 5.158.937.343 |
| <i>Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia</i> | 15.652.062.720 | 10.836.043.200 |
| - Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong | | |
| <i>Công ty Mẹ bán hàng, gia công</i> | 38.270.788.929 | 36.767.444.546 |
| <i>Công ty Mẹ bán tài sản cố định</i> | - | 1.213.018.401 |
| <i>Công ty Mẹ thu phí thương hiệu</i> | 2.307.528.248 | 2.198.282.344 |
| <i>Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia</i> | 4.590.000.000 | 4.896.000.000 |
| <i>Công ty Mẹ thu lãi chậm trả</i> | 2.185.816.000 | 1.649.002.000 |
| <i>Công ty Mẹ mua hàng hóa</i> | 1.071.600.000 | 673.740.000 |
| - Công ty Cổ phần Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị | | |
| <i>Công ty Mẹ bán hàng, gia công</i> | 865.990.000 | 70.229.735.751 |
| <i>Công ty Mẹ thu phí thương hiệu</i> | 2.625.944.965 | 3.203.949.120 |
| <i>Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia</i> | 5.355.000.000 | 5.355.000.000 |
| <i>Công ty Mẹ thu lãi chậm trả</i> | - | 145.454.000 |
| - Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình | | |
| <i>Công ty Mẹ bán hàng và thu phí gia công</i> | 63.050.230.000 | 36.198.500.000 |
| <i>Công ty Con gia công cho Công ty mẹ</i> | - | 8.448.716.892 |
| <i>Công ty Mẹ thu phí thương hiệu</i> | 6.821.731.292 | - |
| <i>Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia</i> | 5.100.000.000 | - |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 1.210.000.000 | 1.650.000.000 |
| - Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An | 1.210.000.000 | 1.650.000.000 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 98.106.157.915 | 127.316.500.657 |
| - Công Ty Cổ Phần Nông Sản Long Hải | 674.132.096 | 44.894.193.719 |
| - Công ty TNHH Nguyễn Phan | 39.398.985.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Hữu Cơ | 27.004.028.884 | - |
| - Công ty Cổ phần Dap-Vinachem | - | 21.706.103.140 |
| - Các nhà cung cấp khác | 31.029.011.935 | 60.716.203.798 |
| Cộng | 99.316.157.915 | 128.966.500.657 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|-------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| - Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 23.082.338 | 130.713.646 | (129.376.691) | 1.337.455 | 23.081.838 |
| - Thuế nhập khẩu | - | - | 7.817.028.969 | (7.817.028.969) | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.819.448.667 | - | 33.519.888.544 | (31.433.336.032) | 9.906.001.179 | - |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 518.987.463 | 257.585.860 | 4.137.654.487 | (4.420.732.979) | 54.204.158 | 75.881.047 |
| - Thuế nhà đất, thuế đất | - | - | 28.867.203 | (28.867.203) | - | - |
| - Thuế môn bài | - | 3.000.000 | 10.000.000 | (7.000.000) | - | - |
| - Giá trị quyền sử dụng đất | 114.687.620.655 | - | - | - | 114.687.620.655 | - |
| - Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác | - | - | 1.000.000 | (1.000.000) | - | - |
| Cộng | 123.026.056.785 | 283.668.198 | 45.645.152.849 | (43.837.341.874) | 124.649.163.447 | 98.962.885 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 198.296.505.439 | 192.462.717.849 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | 265.330.007 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (30.697.062.720) | (22.087.043.200) |
| + Cổ tức nhận được | (30.697.062.720) | (21.087.043.200) |
| + Khác | - | (1.000.000.000) |
| Thu nhập tính thuế | 167.599.442.719 | 170.641.004.656 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 33.519.888.544 | 37.541.021.025 |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 33.519.888.544 | 37.541.021.025 |

14. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong kỳ.

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| - Trích trước chi phí chiết khấu | 19.843.277.000 | 28.331.753.000 |
| - Trích trước chi phí khuyến mãi | 45.012.321.500 | 4.676.308.000 |
| - Trích trước hỗ trợ bán hàng | 4.215.645.000 | 20.878.984.222 |
| - Trích trước chi phí sửa chữa lớn | 14.800.000.000 | - |
| - Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 6.033.979.646 | 650.933.511 |
| Cộng | <u>89.905.223.146</u> | <u>54.537.978.733</u> |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| - Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 34.601.703.732 | 10.501.629.649 |
| Cộng | <u>34.601.703.732</u> | <u>10.501.629.649</u> |

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|--------------------------|------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan | - | - | - | - |
| Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 1.140.946.490.268 | 1.140.946.490.268 | 1.288.537.968.814 | 1.288.537.968.814 |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾ | 17.517.404.640 | 17.517.404.640 | 48.411.658.767 | 48.411.658.767 |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾ | 349.768.634.440 | 349.768.634.440 | 244.995.997.487 | 244.995.997.487 |
| - Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽³⁾ | 62.472.206.800 | 62.472.206.800 | 56.129.709.552 | 56.129.709.552 |
| - Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽⁴⁾ | 26.483.427.500 | 26.483.427.500 | 72.480.599.715 | 72.480.599.715 |
| - Ngân hàng TMCP Bru Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽⁵⁾ | 28.741.200.000 | 28.741.200.000 | 19.406.250.000 | 19.406.250.000 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi ⁽⁶⁾ | 29.458.180.837 | 29.458.180.837 | 78.337.020.382 | 78.337.020.382 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁷⁾ | 56.311.193.312 | 56.311.193.312 | 113.344.678.210 | 113.344.678.210 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽⁸⁾ | 418.981.457.988 | 418.981.457.988 | 448.501.750.400 | 448.501.750.400 |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận ⁽⁹⁾ | - | - | 62.690.741.595 | 62.690.741.595 |
| - Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽¹⁰⁾ | 99.808.860.860 | 99.808.860.860 | 64.529.460.034 | 64.529.460.034 |
| - Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – | - | - | 44.595.574.400 | 44.595.574.400 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| TpHCM ⁽¹⁾ | | | | |
| - Vay nhân viên công ty ⁽¹²⁾ | 24.856.641.213 | 24.856.641.213 | 32.367.941.372 | 32.367.941.372 |
| - Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM | 26.547.282.678 | 26.547.282.678 | 2.746.586.900 | 2.746.586.900 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 182.723.288 | 182.723.288 | 5.076.126.286 | 5.076.126.286 |
| Cộng | 1.141.129.213.556 | 1.141.129.213.556 | 1.293.614.095.100 | 1.293.614.095.100 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.256.170.027.442 | 1.812.291.552.678 | (1.952.371.731.065) | 1.116.089.849.055 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 32.367.941.372 | 1.266.476.677 | (8.777.776.836) | 24.856.641.213 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 5.076.126.286 | - | (4.893.402.998) | 182.723.288 |
| Cộng | 1.293.614.095.100 | 1.813.558.029.355 | (1.966.042.910.899) | 1.141.129.213.556 |

17.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn các bên liên quan | - | - | - | - |
| Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác | - | - | - | - |
| Nợ thuê tài chính | 12.553.778.311 | 12.553.778.311 | 12.553.778.311 | 12.553.778.311 |
| - Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽¹⁾ | 7.308.526.914 | 7.308.526.914 | 7.308.526.914 | 7.308.526.914 |
| - Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽²⁾ | 5.245.251.397 | 5.245.251.397 | 5.245.251.397 | 5.245.251.397 |
| Cộng | 12.553.778.311 | 12.553.778.311 | 12.553.778.311 | 12.553.778.311 |

(1) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

(2) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00040-000/HĐTTC-BĐ giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | - | - |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 12.553.778.311 | 12.553.778.311 |
| Trên 5 năm | - | - |
| Cộng | <u>12.553.778.311</u> | <u>12.553.778.311</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển sang nợ ngắn hạn</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-------------------|------------------------------|--|------------------------------------|------------------------------|
| Vay dài hạn | - | - | - | - |
| Nợ thuê tài chính | 12.553.778.311 | - | - | 12.553.778.311 |
| Cộng | <u>12.553.778.311</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>12.553.778.311</u> |

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng Trong kỳ</u> | <u>Chi trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 311.837.453 | 20.855.068.915 | 19.361.786.928 | 1.805.119.440 |
| Cộng | <u>311.837.453</u> | <u>20.855.068.915</u> | <u>19.361.786.928</u> | <u>1.805.119.440</u> |

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Tỷ lệ (%)</u> | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Tỷ lệ (%)</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|----------------------|-------------------------------|----------------------|-------------------------------|
| - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 65,00 | 371.592.000.000 | 65,00 | 309.660.000.000 |
| - Vốn góp của các đối tượng khác | 35,00 | 200.087.930.000 | 35,00 | 166.740.000.000 |
| Cộng | <u>100,00</u> | <u>571.679.930.000</u> | <u>100,00</u> | <u>476.400.000.000</u> |

Vốn điều lệ tăng thêm do Công ty phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, hoàn thành trong tháng 9 năm 2016.

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|-----------------------------|-------------------|-------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 476.400.000.000 | 476.400.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong kỳ | 95.279.930.000 | - |
| + Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| + Vốn góp cuối kỳ | 571.679.930.000 | 476.400.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | (142.920.000.000) | (133.392.000.000) |

19d. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 57.167.993 | 47.640.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| - Cổ phiếu phổ thông | 57.167.993 | 47.640.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu) | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 57.167.993 | 47.640.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 57.167.993 | 47.640.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/Cp. | | |

19e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

19f. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2015 ngày 27/04/2016 như sau:

| | | |
|---------------------------------------|---|-----------------|
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : | 20.290.440.915 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Số đã tạm trích trong năm 2015 là | : | 1.000.000.000 |
| Số còn phải trích năm 2016 là | : | 19.290.440.915 |
| • Trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành | : | 500.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : | 30.435.661.372 |
| • Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | : | 10.145.220.457 |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : | 142.920.000.000 |

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 2.699.323.98 | 1.930.851,08 |
| Euro (EUR) | 78,30 | 83,77 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| - Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ | 2.767.029.454.956 | 3.542.481.626.206 |
| Cộng | <u>2.767.029.454.956</u> | <u>3.542.481.626.206</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ Công ty chỉ có phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con chi tiết như sau:

| | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| - Công ty Cp Bình Điền Ninh Bình | 69.871.961.292 | 36.198.500.000 |
| - Công ty Cp Bình Điền Mekong | 40.578.317.177 | 38.965.726.890 |
| - Công ty Cp Bình Điền Lâm Đồng | 7.786.429.307 | 5.158.937.343 |
| - Công ty Cp Bình Điền Quảng Trị | 3.491.934.965 | 73.433.684.871 |
| Cộng | <u>121.728.642.741</u> | <u>153.756.849.104</u> |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------|
| - Chiết khấu thương mại | 19.843.277.000 | 22.173.209.780 |
| - Hàng bán bị trả lại | 157.000.000 | 876.669.000 |
| Cộng | <u>20.000.277.000</u> | <u>23.049.878.780</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| - Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán | 2.334.801.967.775 | 3.121.138.407.108 |
| - Giá vốn các hoạt động khác | - | - |
| Cộng | <u>2.334.801.967.775</u> | <u>3.121.138.407.108</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| - Cổ tức được chia, lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá. | 34.642.939.394 | 23.726.034.456 |
| Cộng | <u>34.642.939.394</u> | <u>23.726.034.456</u> |

5. Chi phí tài chính

| | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| - Chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá.. | 41.439.922.932 | 62.079.295.194 |
| Cộng | <u>41.439.922.932</u> | <u>62.079.295.194</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| 6. Chi phí bán hàng | | |
| - Chi phí bán hàng | 163.383.560.470 | 137.828.033.209 |
| Cộng | 163.383.560.470 | 137.828.033.209 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| - Chi phí quản lý doanh nghiệp | 44.799.892.981 | 39.358.329.953 |
| Cộng | 44.799.892.981 | 39.358.329.953 |
| 8. Thu nhập khác | | |
| - Thu nhập khác | 2.519.931.075 | 10.896.684.500 |
| Cộng | 2.519.931.075 | 10.896.684.500 |
| 9. Chi phí khác | | |
| - Chi phí khác | 1.470.198.828 | 1.187.683.069 |
| Cộng | 1.470.198.828 | 1.187.683.069 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt()*

| | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|-------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Tiền lương, thù lao và thưởng | 5.103.340.000 | 4.809.820.000 |
| Cộng | 5.103.340.000 | 4.809.820.000 |

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|------------------------------|
| - Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An | Là công ty con |
| - Công ty Cp Bình Điền Lâm Đồng | Là công ty con |
| - Công ty Cp Bình Điền Mekong | Là công ty con |
| - Công ty Cp Bình Điền Quảng Trị | Là công ty con |
| - Công ty Cp Bình Điền Ninh Bình | Là công ty con |
| - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | Là công ty mẹ (chiếm 65,00%) |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.11.

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải không phải là công ty con:

| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Công ty mẹ 65,00%) | 9 tháng đầu năm 2016 | 9 tháng đầu năm 2015 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Cổ tức | 92.898.000.000 | 86.704.800.000 |
| Cộng | 92.898.000.000 | 86.704.800.000 |

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.4, V.12.

4. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

| | Nội địa | Xuất khẩu | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|
| 9 tháng đầu năm 2016 | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.228.541.680.681 | 518.487.497.275 | 2.747.029.177.956 |
| Giá vốn hàng bán | 1.873.468.562.132 | 461.333.405.643 | 2.334.801.967.775 |
| Lợi nhuận gộp | 355.073.118.549 | 57.154.091.632 | 412.227.210.181 |
| 9 tháng đầu năm 2015 | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.937.105.546.616 | 582.326.200.810 | 3.519.431.747.426 |
| Giá vốn hàng bán | 2.604.713.938.259 | 516.424.468.849 | 3.121.138.407.108 |
| Lợi nhuận gộp | 332.391.608.357 | 65.901.731.961 | 398.293.340.318 |

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

8. Giải trình biến động lợi nhuận

| Chỉ tiêu | Quý 3 | | | Lũy kế 9 tháng đầu năm | | |
|--------------------|----------------|----------------|-------|------------------------|-----------------|-------|
| | Năm 2016 | Năm 2015 | Tỷ lệ | Năm 2016 | Năm 2015 | Tỷ lệ |
| Lợi nhuận sau thuế | 70.731.746.038 | 48.063.946.397 | 47% | 164.776.616.895 | 154.921.696.824 | 6% |

Lợi nhuận sau thuế trong quý 3 và 9 tháng đầu năm 2016 tăng so cùng kỳ năm 2015 lần lượt là 47% và 6%, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, đồng thời chi phí nguyên liệu đầu vào giảm từ đầu năm 2016 cũng làm cho lợi nhuận gộp trong quý 3 tăng so với cùng kỳ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TÂN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Chỉ tiêu | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1. Số dư đầu năm trước | 476.400.000.000 | 6.746.801.918 | 51.815.195.884 | 17.179.200.938 | 209.034.105.183 | 761.175.303.923 |
| 2. Tăng trong năm trước | - | - | 30.491.365.906 | 10.163.788.635 | 202.904.409.149 | 243.559.563.690 |
| - Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | 202.904.409.149 | 202.904.409.149 |
| - Tăng từ phân phối lợi nhuận | - | - | 30.491.365.906 | 10.163.788.635 | - | 40.655.154.541 |
| 3. Giảm trong năm trước | - | - | - | - | 192.374.731.812 | 192.374.731.812 |
| - Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | 192.374.731.812 | 192.374.731.812 |
| 4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay | 476.400.000.000 | 6.746.801.918 | 82.306.561.790 | 27.342.989.573 | 219.563.782.520 | 812.360.135.801 |
| 5. Tăng trong năm nay | 95.279.930.000 | - | 30.435.661.372 | 10.145.220.457 | 164.776.616.895 | 300.637.428.724 |
| - Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | 164.776.616.895 | 164.776.616.895 |
| - Tăng từ phân phối lợi nhuận | - | - | 30.435.661.372 | 10.145.220.457 | - | 40.580.881.829 |
| - Tăng từ phát hành cp từ vốn chủ sở hữu | 95.279.930.000 | - | - | - | - | 95.279.930.000 |
| 6. Giảm trong năm nay | - | 6.746.801.918 | 61.190.138.509 | 27.342.989.573 | 203.291.322.744 | 298.571.252.744 |
| - Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | 203.291.322.744 | 203.291.322.744 |
| - Giảm do phát hành cp từ vốn chủ sở hữu | - | 6.746.801.918 | 61.190.138.509 | 27.342.989.573 | - | 95.279.930.000 |
| 7. Số dư cuối năm nay | 571.679.930.000 | - | 51.552.084.653 | 10.145.220.457 | 181.049.076.671 | 814.426.311.781 |

Người lập biểu


TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng


TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám Đốc

**LÊ QUỐC PHONG**